Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trường Quốc tế (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2024

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**100**	**124**	**124**
1	**Tiến sĩ**			**25**	**33**	**132**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			**25**	**33**	**132**
1.1.1	**Khoa học xã hội và hành vi**	**931**		**20**	**25**	**125**
1.1.1.1	Kinh tế và Quản lí	9310116	Khoa học xã hội và hành vi	20	25	125
1.1.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**948**		**5**	**8**	**160**
1.1.2.1	Tin học và Kĩ thuật máy tính	9480111	Máy tính và công nghệ thông tin	5	8	160
1.2	**Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**					
2	**Thạc sĩ**			**75**	**91**	**121.33**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**75**	**91**	**121.33**
2.1.1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**		**45**	**49**	**108.88**
2.1.1.1	Kinh doanh quốc tế	8340120	Kinh doanh và quản lý	20	31	155
2.1.1.2	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý			0
2.1.1.3	Quản trị tài chính	8340202	Kinh doanh và quản lý	25	18	72
2.1.2	**Kỹ thuật**	**852**		**15**	**20**	**133.33**
2.1.2.1	Kỹ thuật y sinh	8520212	Kỹ thuật	15	20	133.33
2.1.3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**		**15**	**22**	**146.66**
2.1.3.1	Kỹ thuật máy tính	8480106	Máy tính và công nghệ thông tin	15	22	146.66
2.1.3.2	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin			0
2.2	**Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**	**0**	**0**
2.2.1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**		**0**	**0**	**0**
2.2.1.1	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý			0
2.2.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**		**0**	**0**	**0**
2.2.2.1	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin			0
B	**ĐẠI HỌC**			**1700**	**1744**	**102.58**
3	**Đại học chính quy**			**1700**	**1744**	**102.58**
3.1	**Chính quy**			**1700**	**1744**	**102.58**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			**470**	**441**	**93.82**
3.1.1.1	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**140**	**142**	**101.42**
3.1.1.1.1	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Kinh doanh và quản lý	140	142	101.42
3.1.1.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**330**	**299**	**90.6**
3.1.1.2.1	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	Máy tính và công nghệ thông tin	110	47	42.72
3.1.1.2.2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	Máy tính và công nghệ thông tin	110	122	110.9
3.1.1.2.3	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	Máy tính và công nghệ thông tin	110	130	118.18
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**1230**	**1303**	**105.93**
3.1.2.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**100**	**118**	**118**
3.1.2.1.1	Tự động hóa và tin học	7510306	Công nghệ kỹ thuật	100	118	118
3.1.2.2	**Nhân văn**	**722**		**100**	**97**	**97**
3.1.2.2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	100	97	97

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
3.1.2.3	**Báo chí và thông tin**	**732**		**100**	**112**	**112**
3.1.2.3.1	Truyền thông số	7320111	Báo chí và thông tin	100	112	112
3.1.2.4	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**860**	**889**	**103.37**
3.1.2.4.1	Quản lý	7340108	Kinh doanh và quản lý	0	0	0
3.1.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	100	94	94
3.1.2.4.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	310	321	103.54
3.1.2.4.4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	Kinh doanh và quản lý	110	118	107.27
3.1.2.4.5	Kinh doanh số	73401a1	Kinh doanh và quản lý	100	116	116
3.1.2.4.6	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	Kinh doanh và quản lý	240	240	100
3.1.2.5	**Kỹ thuật**	**752**		**70**	**87**	**124.28**
3.1.2.5.1	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	7520139	Kỹ thuật	70	87	124.28
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**					
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**					
3.4	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**					
3.5	**Liên kết đào tạo với nước ngoài**					
4	**Đại học vừa làm vừa học**			**0**	**0**	**0**
4.1	**Vừa làm vừa học**					
4.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**					
4.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**					
4.4	**Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**					
5	**Từ xa**					
C	**CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**					
6	**Cao đẳng chính quy**					
6.1	**Chính quy**					
6.2	**Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy**					
6.3	**Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng**					
7	**Cao đẳng vừa làm vừa học**					
7.1	**Vừa làm vừa học**					
7.2	**Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học**					
7.3	**Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng**					

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trường Quốc tế (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2025

1.Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1	Kinh doanh quốc tế	7340120	146/QĐ-ĐT	14/01/2010			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2024		0			0
2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	1318/QĐ-ĐHQGHN	21/04/2022			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2022	2024	X	0			0
3	Truyền thông số	7320111	2040/QĐ-ĐHQGHN	17/05/2024			Trường tự chủ QĐ	2024	2024					
4	Quản lý	7340108	3853/QĐ-ĐHQGHN	29/11/2019			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2020	2023		0			0
5	Tin học và Kĩ thuật máy tính	9480111	1711/QĐ-ĐHQGHN	20/05/2022			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2022	2023		0			0
6	Kỹ thuật máy tính	8480106	2693/QĐ-ĐHQGHN	13/09/2021			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2022	2023		0			0
7	Marketing	7340115	3854/QĐ-ĐHQGHN	29/11/2019			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2020	2024		0			0
8	Tự động hóa và tin học	7510306	1186/QĐ-ĐHQGHN	27/04/2021			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2021	2024		0			0
9	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	2142/QĐ-ĐHQGHN	26/06/2014			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2024	X	0			0
10	Công nghệ thông tin	8480201	3840/QĐ-ĐHQGHN	09/10/2015			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2023					
11	Kỹ thuật y sinh	8520212	4774/QĐ-ĐHQGHN	14/12/2023			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2024	2024					
12	Kinh tế và Quản lí	9310116	545/QĐ-ĐHQGHN	27/02/2023			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2023	2023		0			0
13	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	3885/QĐ-ĐHQGHN	16/11/2012			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2024		0			0
14	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	1308/QĐ-ĐHQGHN	21/04/2022			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2022	2024	X	0			0
15	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	941/QĐ-ĐHQGHN	03/04/2019			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2019	2024		0			0
16	Kinh doanh quốc tế	8340120	4242/QĐ-ĐHQGHN	31/12/2020			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2021	2023		0			0
17	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	1066/QĐ-ĐHQGHN	30/03/2017			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2024	X	0			0
18	Tài chính - Ngân hàng	8340201	2354/QĐ-ĐHQGHN	14/08/2020			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2021	2023					
19	Quản trị tài chính	8340202	218/QĐ-ĐHQGHN	18/01/2017			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2023		0			0
20	Kinh doanh số	73401a1	2039/QĐ-ĐHQGHN	17/05/2024			Trường tự chủ QĐ	2024	2024					
21	Ngôn ngữ Anh	7220201	1185/QĐ-ĐHQGHN	27/04/2021			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2021	2024		0			0
22	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	7520139	1314/ QĐ-ĐHQGHN	21/04/2022			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2022	2024		0			0

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

2.1 Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
1	Trương Thị Huệ	12/10/1980	038180001772		Nữ	01/09/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2023			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			
2	Hồ Như Hải	24/03/1981	022081004348		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Thạc sĩ	Quản trị và chiến lược			
3	Nguyễn Đức Thuận	15/01/1949	035049004611		Nam	01/03/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2025	28/02/2026	Giáo sư	Tiến sĩ	Điện tử			0
4	Đỗ Phương Huyền	28/10/1986	013507979		Nữ	01/11/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/11/2010			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng			0
5	Đồng Văn Chung	21/10/1987	038087004675		Nam	01/04/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2024			Tiến sĩ	Kinh tế học			
6	Trần Thị Oanh	20/06/1984	168128648		Nữ	01/08/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2014		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0
7	Lê Hoàng Sơn	17/12/1984	012288661		Nam	01/06/2022	HĐLĐ xác định thời hạn	01/06/2022	31/05/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0
8	Đào Công Tuấn	29/12/1991	033091015879		Nam	01/04/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2024	31/03/2027		Tiến sĩ	Quản trị			0
9	Lê Trung Thành	01/10/1980	013220787		Nam	01/04/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2015		Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử			0
10	Chu Huy Anh	08/04/1980	001080001769		Nam	01/10/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2023			Thạc sĩ	Thuế			0
11	Chu Đình Tới	24/04/1983	001083050012		Nam	01/03/2021	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2021			Tiến sĩ	Sinh học-Y sinh			0
12	Đỗ Tiến Thành	15/07/1986	001086050211		Nam	01/07/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2024	30/06/2026		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin			
13	Ngô Đức Lợi	03/08/1999	001099000888		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Thạc sĩ	Ngân hàng, tài chính số			
14	Nguyễn Viết Thành	08/05/1974	038074000265		Nam	01/11/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/11/2019			Tiến sĩ	Kinh tế			0
15	Nguyễn Thị Quế Linh	10/03/1997	001197014390		Nữ	01/11/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2023	30/10/2025		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng anh và ngôn ngữ ứng dụng			0
16	Nguyễn Văn Tính	30/09/1985	142108888		Nam	01/08/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2025		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá			0
17	Ngô Bích Thu	24/04/1972	001172032507		Nữ	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Tiến sĩ	Văn học Bắc Mỹ			
18	Nguyễn Thùy Trang	14/11/1991	001191014893		Nữ	01/11/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/11/2023	30/10/2025		Thạc sĩ	Chính sách công			0
19	Nguyễn Thị Tố Hoa	23/12/1982	027182004692		Nữ	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2029		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
20	Nguyễn Việt Hùng	07/01/1981	019081000087		Nam	21/11/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn	21/11/2019			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
21	Phạm Đình Tân	01/01/1981	030081015884		Nam	01/08/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2023			Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính			0
22	Đặng Ngọc Quang	30/06/2001	001201005607		Nam	01/04/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2024	31/03/2026		Thạc sĩ	Tài chính quốc tế			
23	Vũ Minh Quân	11/09/1991	001091036284		Nam	01/09/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2023	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			0
24	Nguyễn Đức Khương	18/01/1978	N2015935		Nam	01/01/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/01/2025	31/12/2025	Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế			0
25	Thân Văn Thái	19/03/1982	024082012266		Nam	01/07/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2023	30/06/2026		Tiến sĩ	Sinh học			0
26	Phạm Xuân Hoan	03/06/1971	034071000053		Nam	15/11/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/11/2023		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế tài chính			0
27	Vũ Xuân Đoàn	18/08/1955	011984735		Nam	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	30/10/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học			0
28	Bùi Vũ Lương	28/09/1979	034078007900		Nam	01/09/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2023	31/08/2025		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển			0
29	Nghiêm Xuân Hòa	01/03/1987	011087011033		Nam	01/08/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2024			Tiến sĩ	Kinh tế			0
30	Trần Công Thành	10/08/1982	001082035582		Nam	01/09/2021	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2021			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			0
31	Đặng Hồng Ngân	31/12/1984	012292623		Nữ	01/12/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2024			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
32	Lại Thanh Vân	28/12/1993	035193003360		Nữ	15/08/2019	HĐLĐ xác định thời hạn	15/08/2019	14/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
33	Bùi Nhật Lệ	29/01/1998	036198000535		Nữ	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2026		Thạc sĩ	Dược học			
34	Nguyễn Thị Huyền	06/06/1983	001183007238		Nữ	01/09/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2024			Tiến sĩ	Marketing			
35	Lương Chí Thọ	02/11/1990	025090001599		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin			
36	Đinh Văn Dũng	17/06/1966	011785081		Nam	01/06/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/06/2023	31/05/2025		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0
37	Trương Công Đoàn	05/08/1980	040080000068		Nam	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2029		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
38	Trần Tiến Tâm	13/05/1991	026091013303		Nam	01/07/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2024	30/06/2025		Tiến sĩ	Tự động hóa và tin học			
39	Lê Duy Tiến	13/12/1982	026082015363		Nam	01/03/2017	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2017			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0
40	Nicholas Melymick Murray	07/05/1991	HG513826		Nam	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ			
41	Trần Thị Ngân	07/10/1981	030181010521		Nữ	01/05/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/05/2023		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Toán ứng dụng			
42	Nguyễn Thị Hồng Hanh	21/01/1983	001183005686		Nữ	01/10/2016	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2016			Tiến sĩ	Thương mại điện tử			0
43	Trần Văn Tuệ	20/10/1986	040086025392		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh			
44	Đỗ Thị Hồng Liên	10/04/1986	172562705		Nữ	01/12/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2024			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
45	Lê Đức Thịnh	06/06/1979	171804853		Nam	03/12/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	03/12/2012			Tiến sĩ	Toán học			0
46	Lê Văn Đạo	27/04/1996	027096009296		Nam	15/06/2022	HĐLĐ xác định thời hạn	15/06/2022	14/06/2025		Thạc sĩ	Chính sách công			0
47	Đào Tùng	26/11/1977	019077002056		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Tiến sĩ	Marketing			
48	Tạ Huy Hùng	06/06/1986	001086021900		Nam	01/02/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/02/2023			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			0
49	Nguyễn Thị Kim Oanh	05/11/1981	025181010383		Nữ	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2029		Tiến sĩ	Kinh tế			0
50	Phan Thục Anh	20/10/1999	001199024874		Nữ	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Thạc sĩ	Thương mại Toàn cầu			
51	Nguyễn Doãn Đông	09/08/1986	013295233		Nam	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2029		Tiến sĩ	Tin học và kỹ thuật máy tính			0
52	Trusau Dzanis	07/06/1978	EJ0811685		Nam	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ			0
53	Nguyễn Việt Cường	07/06/1976	001076023765		Nam	01/10/2020	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2020			Tiến sĩ	Kinh tế			0
54	Harkiranpal Signhn Karpa Signh	21/04/1971	A55533308		Nữ	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ			
55	Nguyễn Phương Mai	25/08/1981	001181015888		Nữ	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2029	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			0
56	Laspona Echavez Naomi	25/10/1980	P0711760B		Nữ	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Marketing			0
57	Nguyễn Trung Hiền	26/07/1979	011948027		Nam	01/08/2007	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2007			Tiến sĩ	Quản lý đô thị và công trình			0
58	Hồ Tường Vinh	11/04/1964	031064013204		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện			
59	Vũ Thị Huệ	12/05/1999	063499037		Nữ	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2026		Thạc sĩ	Y tế công cộng			
60	Nguyễn Hải Thanh	27/05/1956	027056000046		Nam	01/06/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/06/2024	31/05/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Toán học			0
61	Dương Mỹ Hạnh	01/11/1997	001197003324		Nữ	15/03/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	15/03/2025	14/03/2026		Thạc sĩ	Tài chính			0
62	Chu Văn Hùng	05/01/1968	011895917		Nam	01/10/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2024			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng			0
63	Nguyễn Trà My	21/05/1993	001193049825		Nữ	01/10/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/10/2023	30/09/2028		Tiến sĩ	Kinh tế học			
64	Nguyễn Thị Thu Huyền	07/04/1986	038186000082		Nữ	01/12/2008	HĐLĐ xác định thời hạn	01/12/2008	30/11/2025		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
65	Phạm Ngọc Thành	27/09/1986	030086017159		Nam	15/06/2022	HĐLĐ xác định thời hạn	15/06/2022	14/06/2025		Tiến sĩ	Trí tuệ nhân tạo			0
66	Nguyễn Thanh Tùng	01/07/1979	001079068084		Nam	01/12/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2010		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0
67	Trần Thị Thanh Tú	15/11/1976	001176026795		Nữ	01/03/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2025	28/02/2026	Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học			
68	Phạm Thị Tuyết Mai	07/06/1985	143008532		Nữ	01/04/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2010			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
69	Bùi Duy Hiếu	10/01/1988	034088014668		Nam	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0
70	Nguyễn Anh Tuấn	02/10/1977	001077007618		Nam	01/06/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/06/2024	31/05/2026	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế			0
71	Phạm Thanh Huyền	02/04/1994	001194008813		Nữ	01/02/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/02/2024	31/01/2026		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0
72	Hoàng Trọng Tiến	15/11/1993	040093000076		Nam	01/06/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/06/2024	31/05/2026		Thạc sĩ	Khoa học dữ liệu			
73	Nguyễn Văn Anh	27/08/1987	Q00417660		Nam	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2025		Tiến sĩ	Khoa học vật liệu			
74	Đặng Thị Quỳnh Trang	12/11/1995	013391328		Nữ	16/05/2019	HĐLĐ xác định thời hạn	16/05/2019	15/05/2026		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
75	Phạm Đức Thọ	20/11/1988	025088003260		Nam	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2029		Tiến sĩ	Khoa học máy tính			
76	Lưu Thị Minh Ngọc	26/06/1982	001182035777		Nữ	15/10/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2022		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			0
77	Trần Đức Quỳnh	30/09/1981	111595921		Nam	01/06/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/06/2019			Tiến sĩ	Tin học và kỹ thuật máy tính			0
78	Lê Quân	13/08/1974	001074002442		Nam	01/03/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2025	28/02/2026	Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học quản lý			0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
79	Hà Mạnh Hùng	20/09/1981	010081006622		Nam	01/07/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/07/2023	30/06/2026		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử			0
80	Đặng Văn Sơn	17/08/1981	001081012090		Nam	01/09/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Vật lý kỹ thuật			
81	Phạm Thị Việt Hương	18/04/1984	001184009920		Nữ	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2029		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện			0
82	Lê Quang Minh	30/01/1978	090711074		Nam	01/06/2022	HĐLĐ xác định thời hạn	01/06/2022	31/05/2025		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			0
83	Nguyễn Văn Tánh	03/09/1986	191598023		Nam	15/08/2019	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/08/2019			Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính			0
84	Đỗ Thanh Vân	03/11/1986	142338581		Nữ	01/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
85	Lê Hương Linh	21/12/1980	001180006001		Nữ	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2029		Tiến sĩ	Kinh tế			0
86	Phạm Hải Yến	09/03/1983	001183044037		Nữ	01/03/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2022			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
87	Nguyễn Ngọc Linh	25/11/1985	012355102		Nam	01/02/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/02/2022			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện			0
88	Kim Đình Thái	08/04/1984	026084013867		Nam	01/02/2022	HĐLĐ xác định thời hạn	01/02/2022	31/03/2027		Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá			0
89	Phạm Thanh Sơn	06/08/1991	030091015268		Nam	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị			
90	Vũ Thị Thanh	01/02/1984	037184000817		Nữ	15/03/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	15/03/2025	14/03/2028		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
91	Nguyễn Thị Hương Ly	04/06/1993	075193008005		Nữ	01/02/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/02/2023			Thạc sĩ	Marketing			0
92	Phùng Danh Thắng	22/11/1983	001083060655		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			
93	Nguyễn Tuấn Minh	23/10/1997	001097043150		Nam	01/10/2023	HĐLĐ xác định thời hạn	01/10/2023	30/09/2025		Thạc sĩ	Đầu tư tài chính			0
94	Lê Hoài Thu	08/03/1986	131140640		Nữ	01/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
95	Nguyễn Thị Minh Huyền	02/08/1991	012777198		Nữ	01/02/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/02/2024	31/01/2026		Thạc sĩ	Phát triển giáo dục quốc tế			0
96	Trần Thị Hoàng Yến	04/08/1982	001182051960		Nam	15/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	15/08/2024	14/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế			
97	Diêm Công Hoàng	18/04/1982	024082000795		Nam	01/11/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/11/2024			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin			
98	Nguyễn Thế Anh	10/05/1985	001085049622		Nam	01/03/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/03/2025	28/02/2028		Tiến sĩ	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử			
99	Nguyễn Văn Định	23/02/1966	011773483		Nam	01/10/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2014		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế			0
100	Nguyễn Phú Hưng	21/03/1975	001075007880		Nam	01/03/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2024	28/02/2027		Tiến sĩ	Kinh tế			0
101	Rez Alexis Dela Cruz	02/05/1994	P5977479A		Nam	01/09/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ			
102	Nguyễn Hoàng Lan	13/05/1992	001192031000		Nữ	01/04/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2025	31/03/2028		Thạc sĩ	Tài chính-Ngân hàng			0
103	Nguyễn Trí Trung	05/10/1981	031081004797		Nam	01/01/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/01/2009			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
104	Trần Thị Lan Hương	09/11/1984	186007593		Nữ	01/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2008			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
105	Nguyễn Thị Minh Thu	25/08/1987	036187007794		Nữ	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			
106	Dương Thị Thiên Hà	22/07/1981	040181005108		Nữ	01/04/2020	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2020			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
107	Bùi Thanh Tùng	21/03/1982	031082000003		Nam	01/04/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2025	31/03/2028		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
108	Dương Thị Thu Huyền	10/08/1986	172270446		Nữ	01/12/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2024			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
109	Mai Anh	01/03/1977	011845090		Nam	04/07/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	04/07/2011			Tiến sĩ	Khoa học quản lý			0
110	Nguyễn Như Tùng	10/05/1982	038082002439		Nam	01/07/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/07/2023		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí			
111	Trần Quang Tuyến	19/10/1973	013155985		Nam	01/03/2020	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2020			Tiến sĩ	Kinh tế			0
112	Nguyễn Ngọc Anh	10/08/1990	025090000094		Nam	01/12/2023	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2023			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			
113	Đào Đình Khả	12/04/1964	001064000798		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Tiến sĩ	Công nghệ			
114	Lê Thị Mai	14/09/1989	183588124		Nữ	01/01/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/01/2024			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			0
115	Phùng Văn Hảo	28/01/1979	001079034702		Nam	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			
116	Trần Thị Thùy Anh	11/10/1992	019192000255		Nữ	01/09/2019	HĐLĐ xác định thời hạn	01/09/2019	31/08/2025		Thạc sĩ	Kế toán			0
117	Lê Xuân Hải	20/09/1982	035082001194		Nam	31/01/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn	31/01/2022			Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			0
118	Lê Việt Hoàng	15/04/1995	001095031651		Nam	15/05/2021	HĐLĐ xác định thời hạn	15/05/2021	14/05/2026		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
119	Nguyễn Thị Kim Duyên	03/07/1993	020193007782		Nữ	01/04/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2025	31/03/2028		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
120	Bùi Mỹ Trinh	29/10/1983	001183029816		Nữ	01/08/2019	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2019	31/07/2029		Tiến sĩ	Quản lý			0
121	Nguyễn Quang Thuận	27/11/1981	031081022641		Nam	01/11/2017	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/11/2017			Tiến sĩ	Tin học và kỹ thuật máy tính			0
122	Lê Mỹ Hạnh	20/11/1994	001194008771		Nữ	01/04/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/04/2024	31/05/2025		Thạc sĩ	Tài chính quốc tế			
123	Nguyễn Thị Thu Hà	30/11/1976	001176015710		Nữ	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Tiến sĩ	Khoa học giáo dục			
124	Nguyễn Thị Ngọc Anh	20/05/1990	027190011902		Nữ	15/02/2025	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/02/2025			Tiến sĩ	Quản lý Khoa học và Công nghệ			
125	Hoàng Tuyết Minh	29/05/1971	010171000078		Nữ	01/11/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/11/2009		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh			0
126	Nguyễn Đăng Khoa	28/12/1987	017087000174		Nam	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2029		Tiến sĩ	Kỹ thuật hàng không			0
127	Đặng Thu Hà	27/08/1985	025185001230		Nam	01/10/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/10/2024	30/09/2026		Tiến sĩ	Kế toán			
128	Nguyễn Thế Cường	12/10/1978	001078004164		Nam	01/08/2024	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2024	31/07/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh			0
129	Nguyễn Khánh Linh	30/03/1993	023193000224		Nữ	15/04/2025	HĐLĐ xác định thời hạn	15/04/2025	14/04/2028		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng			0
130	Nguyễn Thị Phương	10/12/1983	145138105		Nữ	01/03/2022	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2022			Tiến sĩ	Kiểm toán			0
131	Hồ Nguyên Như Ý	02/06/1990	191706351		Nữ	15/10/2020	HĐLĐ xác định thời hạn	15/10/2020	14/10/2025		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp			0
132	Trần Thế Nữ	01/06/1980	001180012021		Nữ	01/12/2024	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2024			Tiến sĩ	Kế toán			
133	Lê Thị Thu Hường	13/08/1991	C0380930		Nữ	01/08/2021	HĐLĐ xác định thời hạn	01/08/2021	31/07/2025		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng			0

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2.1.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành														Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Tự động hóa và tin học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Kinh doanh quốc tế	Quản lý	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngôn ngữ Anh	Hệ thống thông tin quản lý	Marketing	Tin học và kỹ thuật máy tính	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Công nghệ thông tin ứng dụng	Kinh doanh số	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	Truyền thông số		
							7510306	7340303	7340120	7340108	7340125	7220201	7340405	7340115	7480111	7480209	7480210	73401a1	7520139	7320111		
1	Trương Thị Huệ	12/10/1980	038180001772	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					100										**1**	**100**
2	Hồ Như Hải	24/03/1981	022081004348	Quản trị và chiến lược		Thạc sĩ					100										**1**	**100**
3	Nguyễn Đức Thuận	15/01/1949	035049004611	Điện tử	Giáo sư	Tiến sĩ	100														**1**	**100**
4	Đỗ Phương Huyền	28/10/1986	013507979	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ		100													**1**	**100**
5	Đồng Văn Chung	21/10/1987	038087004675	Kinh tế học		Tiến sĩ			30							70					**2**	**100**
6	Trần Thị Oanh	20/06/1984	168128648	Công nghệ thông tin	Phó giáo sư	Tiến sĩ											100				**1**	**100**
7	Lê Hoàng Sơn	17/12/1984	012288661	Công nghệ thông tin	Phó giáo sư	Tiến sĩ	30				30					40					**3**	**100**
8	Đào Công Tuấn	29/12/1991	033091015879	Quản trị		Tiến sĩ					100										**1**	**100**
9	Lê Trung Thành	01/10/1980	013220787	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giáo sư	Tiến sĩ									100						**1**	**100**
10	Chu Huy Anh	08/04/1980	001080001769	Thuế		Thạc sĩ										100					**1**	**100**
11	Chu Đình Tới	24/04/1983	001083050012	Sinh học-Ýinh		Tiến sĩ											100				**1**	**100**
12	Đỗ Tiến Thành	15/07/1986	001086050211	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ										100					**1**	**100**
13	Ngô Đức Lợi	03/08/1999	001099000888	Ngân hàng, tài chính số		Thạc sĩ												100			**1**	**100**
14	Nguyễn Viết Thành	08/05/1974	038074000265	Kinh tế		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
15	Nguyễn Thị Quế Linh	10/03/1997	001197014390	Giảng dạy tiếng anh và ngôn ngữ ứng dụng		Thạc sĩ	100														**1**	**100**
16	Nguyễn Văn Tính	30/09/1985	142108888	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Tiến sĩ	100														**1**	**100**
17	Nguyễn Thị Tố Hoa	23/12/1982	027182004692	Ngôn ngữ Anh		Tiến sĩ						100									**1**	**100**
18	Nguyễn Việt Hùng	07/01/1981	019081000087	Ngôn ngữ Anh		Tiến sĩ			50			50									**2**	**100**
19	Phạm Đình Tân	01/01/1981	030081015884	Kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ									100						**1**	**100**
20	Đặng Ngọc Quang	30/06/2001	001201005607	Tài chính quốc tế		Thạc sĩ		100													**1**	**100**
21	Vũ Minh Quân	11/09/1991	001091036284	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
22	Nguyễn Đức Khương	18/01/1978	N2015935	Kinh tế	Giáo sư	Tiến sĩ			100												**1**	**100**
23	Thân Văn Thái	19/03/1982	024082012266	Sinh học		Tiến sĩ											100				**1**	**100**
24	Phạm Xuân Hoan	03/06/1971	034071000053	Kinh tế tài chính	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100													**1**	**100**
25	Vũ Xuân Đoàn	18/08/1955	011984735	Ngôn ngữ học	Phó giáo sư	Tiến sĩ				30											**1**	**30**
26	Bùi Vũ Lương	28/09/1979	034078007900	Kinh tế phát triển		Thạc sĩ								100							**1**	**100**
27	Nghiêm Xuân Hòa	01/03/1987	011087011033	Kinh tế		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
28	Trần Công Thành	10/08/1982	001082035582	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
29	Đặng Hồng Ngân	31/12/1984	012292623	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ						100									**1**	**100**
30	Lại Thanh Vân	28/12/1993	035193003360	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ					50	50									**2**	**100**
31	Bùi Nhật Lệ	29/01/1998	036198000535	Dược học		Thạc sĩ											100				**1**	**100**
32	Nguyễn Thị Huyền	06/06/1983	001183007238	Marketing		Tiến sĩ								100							**1**	**100**
33	Đinh Văn Dũng	17/06/1966	011785081	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ										100					**1**	**100**
34	Trương Công Đoàn	05/08/1980	040080000068	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ			80								20				**2**	**100**
35	Trần Tiến Tâm	13/05/1991	026091013303	Tự động hóa và tin học		Tiến sĩ	100														**1**	**100**
36	Lê Duy Tiến	13/12/1982	026082015363	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ								40	60						**2**	**100**
37	Nicholas Melymick Murray	07/05/1991	HG513826	Ngôn ngữ		Thạc sĩ						100									**1**	**100**
38	Trần Thị Ngân	07/10/1981	030181010521	Toán ứng dụng	Phó giáo sư	Tiến sĩ					100										**1**	**100**
39	Nguyễn Thị Hồng Hanh	21/01/1983	001183005686	Thương mại điện tử		Tiến sĩ								100							**1**	**100**
40	Trần Văn Tuệ	20/10/1986	040086025392	Quản trị Kinh doanh		Thạc sĩ												100			**1**	**100**
41	Đỗ Thị Hồng Liên	10/04/1986	172562705	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ						50	50								**2**	**100**
42	Lê Đức Thịnh	06/06/1979	171804853	Toán học		Tiến sĩ					100										**1**	**100**
43	Lê Văn Đạo	27/04/1996	027096009296	Chính sách công		Thạc sĩ			100												**1**	**100**
44	Đào Tùng	26/11/1977	019077002056	Marketing		Tiến sĩ												100			**1**	**100**
45	Tạ Huy Hùng	06/06/1986	001086021900	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100												**1**	**100**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành													Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Tự động hóa và tin học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Kinh doanh quốc tế	Quản lý	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngôn ngữ Anh	Hệ thống thông tin quản lý	Marketing	Tin học và kỹ thuật máy tính	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Công nghệ thông tin ứng dụng	Kinh doanh số	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	Truyền thông số		
							7510306	7340303	7340120	7340108	7340125	7220201	7340405	7340115	7480111	7480209	7480210	73401a1	7520139	7320111		
46	Nguyễn Thị Kim Oanh	05/11/1981	025181010383	Kinh tế		Tiến sĩ		100													1	100
47	Phan Thục Anh	20/10/1999	001199024874	Thương mại Toàn cầu		Thạc sĩ														100	1	100
48	Nguyễn Doãn Đông	09/08/1986	013295233	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ										100					1	100
49	Trusau Dzanis	07/06/1978	EJ0811685	Ngôn ngữ		Thạc sĩ						100									1	100
50	Nguyễn Việt Cường	07/06/1976	001076023765	Kinh tế		Tiến sĩ			100												1	100
51	Harkiranpal Signhn Karpa Signh	21/04/1971	A55533308	Ngôn ngữ		Thạc sĩ								100							1	100
52	Nguyễn Phương Mai	25/08/1981	001181015888	Quản trị kinh doanh	Phó giáo sư	Tiến sĩ			30							70					2	100
53	Laspona Echavez Naomi	25/10/1980	P0711760B	Marketing		Tiến sĩ						100									1	100
54	Vũ Thị Huệ	12/05/1999	063499037	Y tế công cộng		Thạc sĩ			100												1	100
55	Nguyễn Hải Thanh	27/05/1956	027056000046	Toán học	Phó giáo sư	Tiến sĩ							100								1	100
56	Dương Mỹ Hạnh	01/11/1997	001197003324	Tài chính		Thạc sĩ		100													1	100
57	Chu Văn Hùng	05/01/1968	011895917	Tài chính - Ngân hàng		Thạc sĩ										100					1	100
58	Nguyễn Trà My	21/05/1993	001193049825	Kinh tế học		Tiến sĩ				100											1	100
59	Nguyễn Thị Thu Huyền	07/04/1986	038186000082	Ngôn ngữ Anh		Tiến sĩ						50			50						2	100
60	Phạm Ngọc Thành	27/09/1986	030086017159	Trí tuệ nhân tạo		Tiến sĩ									100						1	100
61	Nguyễn Thanh Tùng	01/07/1979	001079068084	Công nghệ thông tin	Phó giáo sư	Tiến sĩ		20						20			60				3	100
62	Trần Thị Thanh Tú	15/11/1976	001176026795	Kinh tế học	Giáo sư	Tiến sĩ							100								1	100
63	Phạm Thị Tuyết Mai	07/06/1985	143008532	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ						50							50		2	100
64	Bùi Duy Hiếu	10/01/1988	034088014668	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ							100								1	100
65	Nguyễn Anh Tuấn	02/10/1977	001077007618	Kinh tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ			100												1	100
66	Phạm Thanh Huyền	02/04/1994	001194008813	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ					100										1	100
67	Hoàng Trọng Tiến	15/11/1993	040093000076	Khoa học dữ liệu		Thạc sĩ							100								1	100
68	Nguyễn Văn Anh	27/08/1987	Q00417660	Khoa học vật liệu		Tiến sĩ													100		1	100
69	Đặng Thị Quỳnh Trang	12/11/1995	013391328	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ						100									1	100
70	Phạm Đức Thọ	20/11/1988	025088003260	Khoa học máy tính		Tiến sĩ											100				1	100
71	Lưu Thị Minh Ngọc	26/06/1982	001182035777	Quản trị kinh doanh	Phó giáo sư	Tiến sĩ					100										1	100
72	Trần Đức Quỳnh	30/09/1981	111595921	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ									100						1	100
73	Lê Quân	13/08/1974	001074002442	Khoa học quản lý	Giáo sư	Tiến sĩ		100													1	100
74	Hà Mạnh Hùng	20/09/1981	010081006622	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Tiến sĩ									100						1	100
75	Đặng Văn Sơn	17/08/1981	001081012090	Vật lý kỹ thuật		Tiến sĩ													100		1	100
76	Phạm Thị Việt Hương	18/04/1984	001184009920	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ													100		1	100
77	Lê Quang Minh	30/01/1978	090711074	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ							100								1	100
78	Nguyễn Văn Tánh	03/09/1986	191598023	Kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ									100						1	100
79	Đỗ Thanh Vân	03/11/1986	142338581	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ						50	50								2	100
80	Lê Hương Linh	21/12/1980	001180006001	Kinh tế		Tiến sĩ				50				50							2	100
81	Phạm Hải Yến	09/03/1983	001183044037	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ	100														1	100
82	Nguyễn Ngọc Linh	25/11/1985	012355102	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ													100		1	100
83	Kim Đình Thái	08/04/1984	026084013867	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Tiến sĩ	100														1	100
84	Phạm Thanh Sơn	06/08/1991	030091015268	Quản trị		Tiến sĩ			50		50										2	100
85	Vũ Thị Thanh	01/02/1984	037184000817	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ								100							1	100
86	Nguyễn Thị Hương Ly	04/06/1993	075193008005	Marketing		Thạc sĩ								100							1	100
87	Phùng Danh Thắng	22/11/1983	001083060655	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ														100	1	100
88	Nguyễn Tuấn Minh	23/10/1997	001097043150	Đầu tư tài chính		Thạc sĩ			100												1	100
89	Lê Hoài Thu	08/03/1986	131140640	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ										100					1	100
90	Nguyễn Thị Minh Huyền	02/08/1991	012777198	Phát triển giáo dục quốc tế		Thạc sĩ			100												1	100
91	Trần Thị Hoàng Yến	04/08/1982	001182051960	Kinh tế		Tiến sĩ			100												1	100
92	Diêm Công Hoàng	18/04/1982	024082000795	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ									20						1	20

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành													Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Tự động hóa và tin học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Kinh doanh quốc tế	Quản lý	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngôn ngữ Anh	Hệ thống thông tin quản lý	Marketing	Tin học và kỹ thuật máy tính	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Công nghệ thông tin ứng dụng	Kinh doanh số	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	Truyền thông số		
							7510306	7340303	7340120	7340108	7340125	7220201	7340405	7340115	7480111	7480209	7480210	73401a1	7520139	7320111		
93	Nguyễn Thế Anh	10/05/1985	001085049622	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử		Tiến sĩ													100		1	100
94	Nguyễn Văn Định	23/02/1966	011773483	Kinh tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100													1	100
95	Nguyễn Phú Hưng	21/03/1975	001075007880	Kinh tế		Tiến sĩ			100												1	100
96	Rez Alexis Dela Cruz	02/05/1994	P5977479A	Ngôn ngữ		Thạc sĩ						100									1	100
97	Nguyễn Hoàng Lan	13/05/1992	001192031000	Tài chính-Ngân hàng		Thạc sĩ		100													1	100
98	Nguyễn Trí Trung	05/10/1981	031081004797	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ			100												1	100
99	Trần Thị Lan Hương	09/11/1984	186007593	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ				50		50									2	100
100	Nguyễn Thị Minh Thu	25/08/1987	036187007794	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ						50					50				2	100
101	Dương Thị Thiên Hà	22/07/1981	040181005108	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ		50				50									2	100
102	Bùi Thanh Tùng	21/03/1982	031082000003	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thạc sĩ	100														1	100
103	Dương Thị Thu Huyền	10/08/1986	172270446	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ	50					50									2	100
104	Mai Anh	01/03/1977	011845090	Khoa học quản lý		Tiến sĩ				60											1	60
105	Nguyễn Như Tùng	10/05/1982	038082002439	Kỹ thuật cơ khí	Phó giáo sư	Tiến sĩ													100		1	100
106	Trần Quang Tuyến	19/10/1973	013155985	Kinh tế		Tiến sĩ			100												1	100
107	Nguyễn Ngọc Anh	10/08/1990	025090000094	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					100										1	100
108	Đào Đình Khả	12/04/1964	001064000798	Công nghệ		Tiến sĩ												50		50	2	100
109	Lê Thị Mai	14/09/1989	183588124	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100													1	100
110	Phùng Văn Hảo	28/01/1979	001079034702	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ														70	1	70
111	Trần Thị Thùy Anh	11/10/1992	019192000255	Kế toán		Thạc sĩ		30								70					2	100
112	Lê Xuân Hải	20/09/1982	035082001194	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Tiến sĩ	100														1	100
113	Lê Việt Hoàng	15/04/1995	001095031651	Ngôn ngữ Anh		Thạc sĩ						100									1	100
114	Nguyễn Thị Kim Duyên	03/07/1993	020193007782	Quản trị kinh doanh		Thạc sĩ					50			50							2	100
115	Bùi Mỹ Trinh	29/10/1983	001183029816	Quản lý		Tiến sĩ			100												1	100
116	Nguyễn Quang Thuận	27/11/1981	031081022641	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ		20					80								2	100
117	Lê Mỹ Hạnh	20/11/1994	001194008771	Tài chính quốc tế		Thạc sĩ			100												1	100
118	Nguyễn Thị Thu Hà	30/11/1976	001176015710	Khoa học giáo dục		Tiến sĩ														100	1	100
119	Nguyễn Thị Ngọc Anh	20/05/1990	027190011902	Quản lý Khoa học và Công nghệ		Tiến sĩ												100			1	100
120	Hoàng Tuyết Minh	29/05/1971	010171000078	Ngôn ngữ Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ						100									1	100
121	Nguyễn Đăng Khoa	28/12/1987	017087000174	Kỹ thuật hàng không		Tiến sĩ													100		1	100
122	Đặng Thu Hà	27/08/1985	025185001230	Kế toán		Tiến sĩ		100													1	100
123	Nguyễn Thế Cường	12/10/1978	001078004164	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ								100							1	100
124	Nguyễn Khánh Linh	30/03/1993	023193000224	Tài chính - Ngân hàng		Thạc sĩ		100													1	100
125	Nguyễn Thị Phương	10/12/1983	145138105	Kiểm toán		Tiến sĩ		100													1	100
126	Hồ Nguyên Như Ý	02/06/1990	191706351	Quản lý công nghiệp		Tiến sĩ							50								1	50
127	Trần Thế Nữ	01/06/1980	001180012021	Kế toán		Tiến sĩ		100													1	100
128	Lê Thị Thu Hường	13/08/1991	C0380930	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ		70	30												2	100

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2.1.2 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành						Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Quản trị tài chính	Kỹ thuật y sinh	Tài chính - Ngân hàng	Kỹ thuật máy tính	Kinh doanh quốc tế	Công nghệ thông tin		
							8340202	8520212	8340201	8480106	8340120	8480201		
1	Trương Thị Huệ	12/10/1980	038180001772	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					100		**1**	**100**
2	Đỗ Phương Huyền	28/10/1986	013507979	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	50				50		**2**	**100**
3	Đồng Văn Chung	21/10/1987	038087004675	Kinh tế học		Tiến sĩ	100						**1**	**100**
4	Trần Thị Oanh	20/06/1984	168128648	Công nghệ thông tin	Phó giáo sư	Tiến sĩ		33		33	33		**3**	**99**
5	Đào Công Tuấn	29/12/1991	033091015879	Quản trị		Tiến sĩ					100		**1**	**100**
6	Lê Trung Thành	01/10/1980	013220787	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giáo sư	Tiến sĩ		50		50			**2**	**100**
7	Nguyễn Viết Thành	08/05/1974	038074000265	Kinh tế		Tiến sĩ	100						**1**	**100**
8	Nguyễn Văn Tính	30/09/1985	142108888	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Tiến sĩ				100			**1**	**100**
9	Ngô Bích Thu	24/04/1972	001172032507	Văn học Bắc Mỹ		Tiến sĩ						20	**1**	**20**
10	Nguyễn Việt Hùng	07/01/1981	019081000087	Ngôn ngữ Anh		Tiến sĩ	50				50		**2**	**100**
11	Phạm Đình Tân	01/01/1981	030081015884	Kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ				50		50	**2**	**100**
12	Đặng Ngọc Quang	30/06/2001	001201005607	Tài chính quốc tế		Thạc sĩ		100					**1**	**100**
13	Vũ Minh Quân	11/09/1991	001091036284	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					100		**1**	**100**
14	Thân Văn Thái	19/03/1982	024082012266	Sinh học		Tiến sĩ		100					**1**	**100**
15	Phạm Xuân Hoan	03/06/1971	034071000053	Kinh tế tài chính	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100						**1**	**100**
16	Vũ Xuân Đoàn	18/08/1955	011984735	Ngôn ngữ học	Phó giáo sư	Tiến sĩ		33			33		**2**	**66**
17	Nghiêm Xuân Hòa	01/03/1987	011087011033	Kinh tế		Tiến sĩ	100						**1**	**100**
18	Trần Công Thành	10/08/1982	001082035582	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					33		**1**	**33**
19	Nguyễn Thị Huyền	06/06/1983	001183007238	Marketing		Tiến sĩ	50						**1**	**50**
20	Trương Công Đoàn	05/08/1980	040080000068	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ		50		50			**2**	**100**
21	Trần Tiến Tâm	13/05/1991	026091013303	Tự động hóa và tin học		Tiến sĩ				100			**1**	**100**
22	Lê Duy Tiến	13/12/1982	026082015363	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ				100			**1**	**100**
23	Trần Thị Ngân	07/10/1981	030181010521	Toán ứng dụng	Phó giáo sư	Tiến sĩ				50		50	**2**	**100**
24	Nguyễn Thị Hồng Hanh	21/01/1983	001183005686	Thương mại điện tử		Tiến sĩ					50		**1**	**50**
25	Lê Đức Thịnh	06/06/1979	171804853	Toán học		Tiến sĩ				100			**1**	**100**
26	Đào Tùng	26/11/1977	019077002056	Marketing		Tiến sĩ						20	**1**	**20**
27	Tạ Huy Hùng	06/06/1986	001086021900	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					50		**1**	**50**
28	Nguyễn Doãn Đông	09/08/1986	013295233	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ		50		50			**2**	**100**
29	Nguyễn Việt Cường	07/06/1976	001076023765	Kinh tế		Tiến sĩ	100						**1**	**100**
30	Nguyễn Phương Mai	25/08/1981	001181015888	Quản trị kinh doanh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	50				50		**2**	**100**
31	Hồ Tường Vinh	11/04/1964	031064013204	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ						100	**1**	**100**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành						Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Quản trị tài chính	Kỹ thuật y sinh	Tài chính - Ngân hàng	Kỹ thuật máy tính	Kinh doanh quốc tế	Công nghệ thông tin		
							8340202	8520212	8340201	8480106	8340120	8480201		
32	Nguyễn Hải Thanh	27/05/1956	027056000046	Toán học	Phó giáo sư	Tiến sĩ	33			33	33		**3**	**99**
33	Nguyễn Trà My	21/05/1993	001193049825	Kinh tế học		Tiến sĩ	100						**1**	**100**
34	Trần Thị Thanh Tú	15/11/1976	001176026795	Kinh tế học	Giáo sư	Tiến sĩ	100						**1**	**100**
35	Nguyễn Anh Tuấn	02/10/1977	001077007618	Kinh tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ					100		**1**	**100**
36	Nguyễn Văn Anh	27/08/1987	Q00417660	Khoa học vật liệu		Tiến sĩ				100			**1**	**100**
37	Phạm Đức Thọ	20/11/1988	025088003260	Khoa học máy tính		Tiến sĩ				50		50	**2**	**100**
38	Lưu Thị Minh Ngọc	26/06/1982	001182035777	Quản trị kinh doanh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	50				50		**2**	**100**
39	Trần Đức Quỳnh	30/09/1981	111595921	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ		50		50			**2**	**100**
40	Lê Quân	13/08/1974	001074002442	Khoa học quản lý	Giáo sư	Tiến sĩ					100		**1**	**100**
41	Hà Mạnh Hùng	20/09/1981	010081006622	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Tiến sĩ		50		50			**2**	**100**
42	Phạm Thị Việt Hương	18/04/1984	001184009920	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ		50		50			**2**	**100**
43	Nguyễn Văn Tánh	03/09/1986	191598023	Kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ				50		50	**2**	**100**
44	Lê Hương Linh	21/12/1980	001180006001	Kinh tế		Tiến sĩ					100		**1**	**100**
45	Nguyễn Ngọc Linh	25/11/1985	012355102	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ				50		50	**2**	**100**
46	Kim Đình Thái	08/04/1984	026084013867	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Tiến sĩ		50		50			**2**	**100**
47	Phạm Thanh Sơn	06/08/1991	030091015268	Quản trị		Tiến sĩ	50				50		**2**	**100**
48	Phùng Danh Thắng	22/11/1983	001083060655	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ						20	**1**	**20**
49	Trần Thị Hoàng Yến	04/08/1982	001182051960	Kinh tế		Tiến sĩ	100						**1**	**100**
50	Nguyễn Văn Định	23/02/1966	011773483	Kinh tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ	50				50		**2**	**100**
51	Mai Anh	01/03/1977	011845090	Khoa học quản lý		Tiến sĩ	100						**1**	**100**
52	Nguyễn Như Tùng	10/05/1982	038082002439	Kỹ thuật cơ khí	Phó giáo sư	Tiến sĩ				50		50	**2**	**100**
53	Trần Quang Tuyến	19/10/1973	013155985	Kinh tế		Tiến sĩ	50				50		**2**	**100**
54	Nguyễn Ngọc Anh	10/08/1990	025090000094	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					50		**1**	**50**
55	Lê Thị Mai	14/09/1989	183588124	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					50		**1**	**50**
56	Lê Xuân Hải	20/09/1982	035082001194	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Tiến sĩ				100			**1**	**100**
57	Bùi Mỹ Trinh	29/10/1983	001183029816	Quản lý		Tiến sĩ					33		**1**	**33**
58	Nguyễn Quang Thuận	27/11/1981	031081022641	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ				100			**1**	**100**
59	Nguyễn Đăng Khoa	28/12/1987	017087000174	Kỹ thuật hàng không		Tiến sĩ		50		50			**2**	**100**
60	Nguyễn Thế Cường	12/10/1978	001078004164	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					100		**1**	**100**
61	Nguyễn Thị Phương	10/12/1983	145138105	Kiểm toán		Tiến sĩ	100						**1**	**100**
62	Hồ Nguyên Như Ý	02/06/1990	191706351	Quản lý công nghiệp		Tiến sĩ					100		**1**	**100**
63	Trần Thế Nữ	01/06/1980	001180012021	Kế toán		Tiến sĩ	50				50		**2**	**100**
64	Lê Thị Thu Hường	13/08/1991	C0380930	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	50						**1**	**50**

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2.1.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia		Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Kinh tế và Quản lí	Tin học và Kĩ thuật máy tính		
							9310116	9480111		
1	Trương Thị Huệ	12/10/1980	038180001772	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
2	Đỗ Phương Huyền	28/10/1986	013507979	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
3	Đồng Văn Chung	21/10/1987	038087004675	Kinh tế học		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
4	Trần Thị Oanh	20/06/1984	168128648	Công nghệ thông tin	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100	**1**	**100**
5	Đào Công Tuấn	29/12/1991	033091015879	Quản trị		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
6	Lê Trung Thành	01/10/1980	013220787	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giáo sư	Tiến sĩ		100	**1**	**100**
7	Nguyễn Viết Thành	08/05/1974	038074000265	Kinh tế		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
8	Đặng Ngọc Quang	30/06/2001	001201005607	Tài chính quốc tế		Thạc sĩ	100		**1**	**100**
9	Phạm Xuân Hoan	03/06/1971	034071000053	Kinh tế tài chính	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100		**1**	**100**
10	Nghiêm Xuân Hòa	01/03/1987	011087011033	Kinh tế		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
11	Trần Công Thành	10/08/1982	001082035582	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
12	Nguyễn Thị Huyền	06/06/1983	001183007238	Marketing		Tiến sĩ	50		**1**	**50**
13	Trương Công Đoàn	05/08/1980	040080000068	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
14	Trần Thị Ngân	07/10/1981	030181010521	Toán ứng dụng	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100	**1**	**100**
15	Nguyễn Thị Hồng Hanh	21/01/1983	001183005686	Thương mại điện tử		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
16	Tạ Huy Hùng	06/06/1986	001086021900	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
17	Nguyễn Doãn Đông	09/08/1986	013295233	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
18	Nguyễn Việt Cường	07/06/1976	001076023765	Kinh tế		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
19	Nguyễn Phương Mai	25/08/1981	001181015888	Quản trị kinh doanh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100		**1**	**100**
20	Nguyễn Hải Thanh	27/05/1956	027056000046	Toán học	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100	**1**	**100**
21	Nguyễn Trà My	21/05/1993	001193049825	Kinh tế học		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
22	Trần Thị Thanh Tú	15/11/1976	001176026795	Kinh tế học	Giáo sư	Tiến sĩ	100		**1**	**100**
23	Nguyễn Anh Tuấn	02/10/1977	001077007618	Kinh tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100		**1**	**100**
24	Lưu Thị Minh Ngọc	26/06/1982	001182035777	Quản trị kinh doanh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100		**1**	**100**
25	Trần Đức Quỳnh	30/09/1981	111595921	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
26	Lê Quân	13/08/1974	001074002442	Khoa học quản lý	Giáo sư	Tiến sĩ	100		**1**	**100**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia		Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Kinh tế và Quản lí	Tin học và Kĩ thuật máy tính		
							9310116	9480111		
27	Hà Mạnh Hùng	20/09/1981	010081006622	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
28	Phạm Thị Việt Hương	18/04/1984	001184009920	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
29	Lê Hương Linh	21/12/1980	001180006001	Kinh tế		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
30	Kim Đình Thái	08/04/1984	026084013867	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
31	Phạm Thanh Sơn	06/08/1991	030091015268	Quản trị		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
32	Trần Thị Hoàng Yến	04/08/1982	001182051960	Kinh tế		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
33	Nguyễn Văn Định	23/02/1966	011773483	Kinh tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100		**1**	**100**
34	Mai Anh	01/03/1977	011845090	Khoa học quản lý		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
35	Nguyễn Như Tùng	10/05/1982	038082002439	Kỹ thuật cơ khí	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100	**1**	**100**
36	Trần Quang Tuyến	19/10/1973	013155985	Kinh tế		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
37	Nguyễn Ngọc Anh	10/08/1990	025090000094	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
38	Lê Thị Mai	14/09/1989	183588124	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
39	Lê Xuân Hải	20/09/1982	035082001194	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
40	Bùi Mỹ Trinh	29/10/1983	001183029816	Quản lý		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
41	Nguyễn Quang Thuận	27/11/1981	031081022641	Tin học và kỹ thuật máy tính		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
42	Nguyễn Đăng Khoa	28/12/1987	017087000174	Kỹ thuật hàng không		Tiến sĩ		100	**1**	**100**
43	Đặng Thu Hà	27/08/1985	025185001230	Kế toán		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
44	Nguyễn Thế Cường	12/10/1978	001078004164	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
45	Nguyễn Thị Phương	10/12/1983	145138105	Kiểm toán		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
46	Hồ Nguyên Như Ý	02/06/1990	191706351	Quản lý công nghiệp		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
47	Trần Thế Nữ	01/06/1980	001180012021	Kế toán		Tiến sĩ	100		**1**	**100**
48	Lê Thị Thu Hường	13/08/1991	C0380930	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100		**1**	**100**

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2.2 Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
1	Trần Thị Mai Thành	22/08/1986	030186009008		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	12	Viện kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam			0
2	Lê Văn Liên	05/01/1970	013379693		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kế toán	28	Học viện tài chính			0
3	Lê Xuân Thọ	28/10/1980	001080049227		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Xã hội học	15	Đại học Hà Nội			
4	Lý Vương Khanh	17/03/2000	001300000171		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Luật	2	Đại học Luật, ĐHQGHN			
5	Dương Ngọc Hải	07/09/1994	013126286		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	4	HaNoi Adelaide School			
6	Nguyễn Thị Vân Anh	15/10/1982	027182006394		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	16	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông			0
7	Nguyễn Thị Huệ	01/01/1980	013190583		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Triết học	18	Đại học Văn hóa Hà Nội			0
8	Nguyễn Ngọc Tân	17/10/1989	036089009313		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	9	Đại học CÔng nghệ			
9	Nguyễn Tiến Dũng	28/01/1971	030071021396		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	20	Đại học Bách khoa Hà Nội			
10	Nguyễn Thị Thanh Phương	31/08/1988	038188022609		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kế toán	13	Học Viện Tài Chính			
11	Bùi Duy Hưng	02/12/1977	037077000106		Nam	01/02/2025	Hợp đồng thỉnh giảng	01/02/2025	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	17	Học viện ngân hàng			
12	Phạm Trung Tiến	01/01/1978	011872078		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	20	Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Thương Mại			0
13	Cao Thảo Phương	04/09/1998	013492823		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	2	Trường THPT Chuyên Khoa học tự nhiên			
14	Phạm Danh Tuyên	16/10/1987	001087010394		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	kỹ thuật điện,điện tử	12	Đại học FPT			
15	Đặng Minh Tuấn	17/01/1979	027079000091		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Luật	20	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN			
16	Đỗ Văn Cường	28/08/1982	036082011062		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán học	16	Viện Toán Ứng dụng và Tin học, Đại học Bách Khoa Hà Nội			0
17	Nguyễn Thùy Linh	19/04/1992	012859464		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	10	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN.			
18	Lại Hồng Hà	22/02/1966	001166013036		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	25	Trường Đại học Lương Thế Vinh			
19	Nguyễn Tất Thắng	29/10/1983	025083016313		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán học	15	Viện toán học			
20	Nguyễn Thùy Trang	01/01/1991	001191026834		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Tài chính và Kế toán	8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI			
21	Nguyễn Thị Thu Thủy	01/01/1973	013296396		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học máy tính	25	Trường ĐH Thương Mại			0
22	Nguyễn Huy Anh	27/04/1990	001090042777		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	7	Trường Đại học FPT			
23	Nguyễn Đình Đức	01/01/1963	001063014100		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Giáo sư	Tiến sĩ	Cơ học	35	Đại học Quốc gia Hà Nội			0
24	Hà Phi	18/02/1985	036085004862		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán học	13	Khoa Toán-Cơ-Tin học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN			0
25	Đoàn Duy Trung	30/06/1984	031084011877		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán học	14	Viện Toán ứng dụng & Tin học, Trường Đai học Bách Khoa Hà Nội			0
26	Đặng Thị Phương Anh	13/09/1983	031183005105		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản lý văn hoá	15	Đh KHXH&NV, ĐH Quốc gia HN			0
27	Nguyễn Hồng Nga	30/07/1983	001183014435		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Xã hội học	10	Đại học Khoa học và công nghệ			
28	Nguyễn Thị Thanh Hoa	23/09/1983	038183000279		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản lý	14	Trường ĐH Ngoại thương Hà Nội			

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
29	Trần Thu Phương	09/10/1979	001179025146		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	19	Khoa Du lịch, Trường Đại học Mở Hà Nội			0
30	Nguyễn Thị Tuyết Mai	14/01/1986	037186000212		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế	14	Đại học Thương mại			
31	Cấn Văn Hảo	01/01/1989	001089051518		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	9	Viện Toán học			0
32	Đinh Văn Linh	07/12/1991	038091009366		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Kỹ thuật viễn thông	8	Học viện Kỹ thuật mật mã			
33	Nguyễn Thu Hoài	13/08/1984	012207498		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	14	Đại học Thăng Long			0
34	Hồ Tú Bảo	16/06/1952	010453767		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	40	Viện toán			0
35	Nguyễn Trọng Hiếu	13/05/1982	001082012233		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán ứng dụng	16	Khoa Toán - Cơ -Tin học, ĐHKHTN, ĐHQGHN			0
36	Nguyễn Hoàng Giang	07/07/1996	001196023032		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	marketing	6	Học viên công nghệ bưu chính viễn thông			
37	Hoàng Thị Thu Hà	27/09/1986	031186018521		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Báo chí	12	Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn			0
38	Phí Thị Kiều Anh	15/04/1982	001182002709		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kế toán - Kiểm soát - Kiểm toán	12	Học viện tài chính			
39	Nguyễn Thanh Sơn	04/12/1975	026075003834		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	23	Học viện Tài chính			0
40	Phạm Thị Mỹ Dung	03/04/1987	030187012884		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị hệ thống công nghiệp	11	Đại học Ngoại Thương Hà Nội			0
41	Nguyễn Anh Thư	01/01/1981	012190138		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	giáo dục	17	Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.			0
42	Phạm Đức Diễn	07/04/1976	034076010191		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	15	Đại học Phenikaa			
43	Nguyễn Như Quân	25/10/1978	04207800034		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	toán học	19	Đại học Điện lực			
44	Đỗ Minh Thu	27/06/1990	038190014906		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Marketing	8	Đại học FPT			
45	Nguyễn Ngọc Khoát	06/04/1984	027084000162		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	15	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC.			
46	Lê Văn Sơn	25/09/1977	182109818		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	21	Học Viện Phụ Nữ Việt Nam 68 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội			0
47	Nguyễn Thu Thảo	17/09/1993	001193048485		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Quản trị doanh nghiệp và công nghệ	7	Đại học Kinh tế			
48	Hồ Đăng Phúc	01/03/1954	040054000269		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Toán học	35	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI.			
49	Phạm Đức Huyền Yến	22/09/1986	035186000142		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Vật lý học	7	Ban Đào tạo, ĐHQGHN			
50	Bùi Thị Hà Linh	31/12/2010	001185019735		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế	13	Học viện Tài chính			0
51	Nguyễn Thị Thanh Hoài	16/11/1967	042167009114		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	31	Học viện tài chính			0
52	Phạm Hoàng Điệp	24/11/1991	B7012714		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	10	Đại học Thủ đô Hà Nội			
53	Đoàn Vân Hà	03/07/1983	001183003264		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	15	Học viện Ngân hàng			0
54	Võ Tá Hoàng	26/06/1991	042091006047		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	8	Đại học Thủy lợi			
55	Đào Như Mai	04/10/1955	001155020777		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ học	43	Hưu trí			0
56	Đỗ Trà My	13/03/1999	001199023586		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Tâm lý	3	Vinchool			

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
57	Nguyễn Phương Anh	18/06/1987	027187015398		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Khoa học máy tính	10	Đại học FPT			
58	Nguyễn Anh Tuấn	08/07/1983	B6666090		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Kinh tế học	12	TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT			
59	Nguyễn Tiến Hà	04/08/1977	026077007951		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán tin	19	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp			
60	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/08/1988	026188012602		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế - Tài chính	10	Đại Học FPT			0
61	Ngô Phương Dung	17/11/1981	011934131		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Quản trị sự kiện	15	Đại học Hà Nội			
62	Vương Thị Hải Yến	22/02/1980	008180000298		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	18	Trường ĐH Thủ Đô Hà Nội			0
63	Lê Quý Dương	08/03/1994	037094001637		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Công nghệ tài chính	4	ĐH Kinh tế Quốc Dân			0
64	Trần Anh Vũ	04/09/1977	001077007391		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện	21	Trường Điện- Điện tử, Đại học Bách Khoa Hà Nội			0
65	Đinh Hữu Nghĩa	01/01/1985	100816549		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	13	Ban Đào tạo, ĐHQGHN			0
66	Nguyễn Văn Công	08/01/1992	001092042620		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	7	Đại học FPT			
67	Trần Quốc Quân	15/05/1990	042090022837		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật	12	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI).			
68	Lại Thị Thu Thuỷ	04/11/1982	013100459		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	16	Đại học thương mại			
69	Đỗ Trung Tuấn	06/08/1954	010027713		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tin học và kỹ thuật máy tính	44	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN			0
70	Nguyễn Hoàng Quân	01/01/1981	001081013062		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	17	Viện Công nghệ Hàng không vũ trụ, Trường ĐHCN, ĐHQGHN			0
71	Bùi Nguyên Quốc Trình	01/01/1980	024080000524		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý học	18	Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN			0
72	Lê Quang Dũng	04/01/1983	036083000036		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kế toán	15	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân			0
73	Nguyễn Như Thắng	01/07/1983	027083000041		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán học	14	Trờng Đại học SPHN			
74	Ngô Thị Ngọc Anh	01/01/1978	033178003537		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế	20	Viện Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh			0
75	Nguyễn Thị Vân Anh	17/10/1989	037189000180		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	9	Đại học Sư phạm Hà Nội			0
76	Đỗ Văn Hoàn	03/10/1990	026090008411		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử và tin học	8	ĐH Kỹ thuật Lê Quý Đôn			
77	Ngô Trọng Quân	08/07/1991	024091000005		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Luật	10	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN			
78	Phạm Thị Thủy	26/11/1965	011285065		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	33	Đại học Quốc gia Hà Nội			
79	Nguyễn Quang Huy	30/11/1985	040085000441		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	10	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG			
80	Nguyễn Thị Phương Mai	28/04/1986	025186006776		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	12	Khoa Kế toán - kiểm toán ĐH ngoại thương			0
81	Phan Quốc Nguyên	05/03/1977	011828518		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật	21	ĐHQGHN			0
82	Nguyễn Anh Thư	04/02/1981	12190138		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	giáo dục	15	Trường ĐH KHXH&NV			
83	Trần Thế Vinh	09/05/1992	001092031595		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	01/09/2025		Tiến sĩ	Quang học	7	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN			
84	Bùi Hải Thiêm	30/10/1980	033080000028		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Luật hành chính	15	Đại học Kinh tế quốc dân			
85	Nguyễn Văn Phương	24/08/1983	024083008308		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	15	Đại học Kinh tế, ĐHQGHN			0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
86	Nguyễn Hữu Tân	10/02/1992	037092000137		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	6	Khoa Tài chính doanh nghiệp, Học viện Tài chính			0
87	Nguyễn Đức Anh	12/01/1993	001093000417		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	5	CÔNG TY TNHH GENFIVE			
88	Hoàng Hà Anh	30/11/1992	001192026499		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Công nghệ tài chính	10	Đại học ngoại thương			
89	Nguyễn Trung Dũng	14/12/1986	037086003841		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Vật lý học	12	ĐH Bách Khoa Hà Nội			0
90	Nguyễn Thị Thanh Loan	30/03/1987	001187004146		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kế toán	12	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG .			
91	Lý Đại Hùng	01/01/1989	091579701		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	9	Viện Kinh tế Việt Nam, số 1A Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội			0
92	Đinh Thị Minh Nguyệt	20/03/1990	034190006707		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	8	Đại học Hà Nội			
93	Cao Xuân Phong	01/01/1963	010382769		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Luật	35	Viện Khoa học Pháp lí-Bộ tư pháp			0
94	Trương Minh Châu	05/09/1996	001196018281		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	6	Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghiệp Hà Nội			
95	Hà Công Anh Bảo	14/12/1984	066084000194		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế	14	Đại học ngoại thương			0
96	Hoàng Minh Tuấn	07/06/1981	001081033094		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Cơ kỹ thuật	10	Trường ĐH Công Nghệ, ĐHQGHN			
97	Ngô Thị Minh Thu	22/09/1984	001184002013		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Sư phạm Tiếng Nga	14	ĐHNN-ĐHQGHN			0
98	Trần Xuân Tú	19/09/1977	040077000103		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025	Giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử	22	Viện CÔng nghệ thông tin, ĐHQGHN			
99	Nguyễn Minh Trang	17/02/1993	001193030371		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	quản trị kinh doanh	10	Đại học thương mại			
100	Lê Minh Hằng	24/03/1981	001181036296		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	10	Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch, Đại học Hà Nội			
101	Nguyễn Thị Hồng Vân	16/05/1985	001185015160		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	13	Đại học kinh tế quốc dân			0
102	Nguyễn Thị Phương Linh	26/01/1992	036192007881		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	7	Đại học Kinh tế			
103	Vũ Thị Vân Anh	20/09/1994	037194001373		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7	Đại học Kinh tế			
104	Mai Thị Hồng	24/04/1976	038176007651		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán giải tích	18	Đại học Xây dựng			
105	Nguyễn Duy Khánh	22/08/1996	001096018212		Nam	20/01/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	20/01/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	4	Đại học Hà Nội			
106	Phạm Đình Nguyện	10/12/1995	122101451		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Cơ học	2	Đại học Công nghệ, ĐHQGHN			
107	Nguyễn Thị Hoàng Mai	01/01/1978	001178031266		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	15	Đại học Lao động xã hội			
108	Nguyễn Hữu Cầm	04/07/1991	001091028735		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	5	Học viện Công nghệ Bưu Chính Viễn Thông			
109	Nguyễn Phương Chi	01/10/1983	001183023762		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	10	Trường Đại học Ngoại thương			
110	Nguyễn Quốc Hưng	19/07/1980	001080002550		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Vật lý kỹ thuật	10	001080002550			
111	Lâm Sinh Công	01/01/1988	162948577		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	10	ĐH Công nghệ - ĐHQG HN			0
112	Nguyễn Hoàng Dũng	02/06/1977	001077021951		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện	21	Đại học Bách Khoa Hà Nội			0
113	Đào Trọng Khôi	06/01/1995	001095015395		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Luật	3	Bộ môn Luật Dân sự, Trường Đại học Luật, ĐHQGHN Đại học Quốc gia Hà Nội			0
114	Ngô Thị Huyền Minh	08/03/1982	001182016892		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	16	Trung tâm Nâng Cao Năng Lực Cho Người Khuyết Tật Nghị Lực Sống			0

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
115	Nguyễn Hoàng Vũ	01/11/1988	001088039978		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Toán ứng dụng	10	Tạp chí Pi, Hội Toán học Việt Nam			0
116	Phan Xuân Thành	04/07/1981	013646598		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán học	17	Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội			0
117	Lê Thi Thảo	20/12/1979	038179030504		Nữ	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	10	Trung tâm CGTT và HTKN , ĐHQGHN			
118	Nguyễn Hải Vinh	06/09/1970	0011070022488		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Tự động hóa và tin học	28	Khoa Toán-Cơ-Tin học, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội			0
119	Nguyễn Văn Hạnh	20/03/1983	012083000044		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	15	Viện Toán ứng dụng và Tin học, Đại học Bách khoa Hà Nội			0
120	Nguyễn Quang Lộc	10/07/1981	001081009818		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán học	17	Khoa Toán-Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội			0
121	Nguyễn Đình Trần Long	22/06/1988	046088001182		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	10	Khoa CNTT - Trường Đại học Hà Nội			0
122	Đào Văn Thịnh	18/12/1989	034089016895		Nam	01/09/2024	Hợp đồng thỉnh giảng	01/09/2024	31/08/2025		Tiến sĩ	Toán học	12	Viện Toán			

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2.2.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Đại học

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành														Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Tự động hóa và tin học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Kinh doanh quốc tế	Quản lý	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngôn ngữ Anh	Hệ thống thông tin quản lý	Marketing	Tin học và kỹ thuật máy tính	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Công nghệ thông tin ứng dụng	Kinh doanh số	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	Truyền thông số		
							7510306	7340303	7340120	7340108	7340125	7220201	7340405	7340115	7480111	7480209	7480210	73401a1	7520139	7320111		
1	Trần Thị Mai Thành	22/08/1986	030186009008	Kinh tế quốc tế		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
2	Lê Văn Liên	05/01/1970	013379693	Kế toán		Tiến sĩ		100													**1**	**100**
3	Lê Xuân Thọ	28/10/1980	001080049227	Xã hội học		Tiến sĩ				100											**1**	**100**
4	Nguyễn Ngọc Tân	17/10/1989	036089009313	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ							100								**1**	**100**
5	Nguyễn Tiến Dũng	28/01/1971	030071021396	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
6	Nguyễn Thị Thanh Phương	31/08/1988	038188022609	Kế toán		Tiến sĩ		100													**1**	**100**
7	Bùi Duy Hưng	02/12/1977	037077000106	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
8	Phạm Trung Tiến	01/01/1978	011872078	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ										100					**1**	**100**
9	Đặng Minh Tuấn	17/01/1979	027079000091	Luật		Tiến sĩ				100											**1**	**100**
10	Nguyễn Thị Thu Thủy	01/01/1973	013296396	Khoa học máy tính	Phó giáo sư	Tiến sĩ									100						**1**	**100**
11	Nguyễn Đình Đức	01/01/1963	001063014100	Cơ học	Giáo sư	Tiến sĩ					100										**1**	**100**
12	Đặng Thị Phương Anh	13/09/1983	031183005105	Quản lý văn hoá		Tiến sĩ				100											**1**	**100**
13	Nguyễn Thị Thanh Hoa	23/09/1983	038183000279	Quản lý		Tiến sĩ				100											**1**	**100**
14	Trần Thu Phương	09/10/1979	001179025146	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ										100					**1**	**100**
15	Nguyễn Thị Tuyết Mai	14/01/1986	037186000212	Kinh tế		Tiến sĩ		100													**1**	**100**
16	Cấn Văn Hảo	01/01/1989	001089051518	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học		Tiến sĩ							100								**1**	**100**
17	Đinh Văn Linh	07/12/1991	038091009366	Kỹ thuật viễn thông		Thạc sĩ											100				**1**	**100**
18	Hồ Tú Bảo	16/06/1952	010453767	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Giáo sư	Tiến sĩ	100														**1**	**100**
19	Nguyễn Trọng Hiếu	13/05/1982	001082012233	Toán ứng dụng		Tiến sĩ										100					**1**	**100**
20	Hoàng Thị Thu Hà	27/09/1986	031186018521	Báo chí		Tiến sĩ								100							**1**	**100**
21	Phí Thị Kiều Anh	15/04/1982	001182002709	Kế toán - Kiểm soát - Kiểm toán		Tiến sĩ		100													**1**	**100**
22	Nguyễn Thanh Sơn	04/12/1975	026075003834	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ							100								**1**	**100**
23	Đỗ Minh Thu	27/06/1990	038190014906	Marketing		Thạc sĩ								100							**1**	**100**
24	Lê Văn Sơn	25/09/1977	182109818	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ								100							**1**	**100**
25	Bùi Thị Hà Linh	31/12/2010	001185019735	Kinh tế		Tiến sĩ										100					**1**	**100**
26	Nguyễn Thị Thanh Hoài	16/11/1967	042167009114	Kinh tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100													**1**	**100**
27	Đoàn Vân Hà	03/07/1983	001183003264	Kinh tế quốc tế		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
28	Võ Tá Hoàng	26/06/1991	042091006047	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		Tiến sĩ											100				**1**	**100**
29	Nguyễn Phương Anh	18/06/1987	027187015398	Khoa học máy tính		Tiến sĩ									100						**1**	**100**
30	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/08/1988	026188012602	Kinh tế - Tài chính		Tiến sĩ										100					**1**	**100**
31	Ngô Phương Dung	17/11/1981	011934131	Quản trị sự kiện		Thạc sĩ								100							**1**	**100**
32	Lê Quý Dương	08/03/1994	037094001637	Công nghệ tài chính		Tiến sĩ										100					**1**	**100**
33	Trần Anh Vũ	04/09/1977	001077007391	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ	100														**1**	**100**
34	Đinh Hữu Nghĩa	01/01/1985	100816549	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ							100								**1**	**100**
35	Nguyễn Văn Công	08/01/1992	001092042620	Khoa học máy tính		Thạc sĩ											100				**1**	**100**
36	Lại Thị Thu Thuỷ	04/11/1982	013100459	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán		Tiến sĩ		100													**1**	**100**
37	Lê Quang Dũng	04/01/1983	036083000036	Kế toán		Tiến sĩ		100													**1**	**100**
38	Ngô Thị Ngọc Anh	01/01/1978	033178003537	Kinh tế		Tiến sĩ										100					**1**	**100**
39	Đỗ Văn Hoàn	03/10/1990	026090008411	Kỹ thuật điện tử và tin học		Tiến sĩ											100				**1**	**100**
40	Ngô Trọng Quân	08/07/1991	024091000005	Luật		Tiến sĩ		100													**1**	**100**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành													Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Tự động hóa và tin học	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Kinh doanh quốc tế	Quản lý	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Ngôn ngữ Anh	Hệ thống thông tin quản lý	Marketing	Tin học và kỹ thuật máy tính	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	Công nghệ thông tin ứng dụng	Kinh doanh số	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	Truyền thông số		
							7510306	7340303	7340120	7340108	7340125	7220201	7340405	7340115	7480111	7480209	7480210	73401a1	7520139	7320111		
41	Phạm Thị Thủy	26/11/1965	011285065	Ngôn ngữ Anh		Tiến sĩ						100									**1**	**100**
42	Nguyễn Quang Huy	30/11/1985	040085000441	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ				100											**1**	**100**
43	Nguyễn Thị Phương Mai	28/04/1986	025186006776	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					100										**1**	**100**
44	Bùi Hải Thiêm	30/10/1980	033080000028	Luật hành chính		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
45	Nguyễn Văn Phương	24/08/1983	024083008308	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ											100				**1**	**100**
46	Nguyễn Hữu Tân	10/02/1992	037092000137	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ		100													**1**	**100**
47	Hoàng Hà Anh	30/11/1992	001192026499	Công nghệ tài chính		Thạc sĩ										100					**1**	**100**
48	Nguyễn Thị Thanh Loan	30/03/1987	001187004146	Kế toán		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
49	Đinh Thị Minh Nguyệt	20/03/1990	034190006707	Hệ thống thông tin		Thạc sĩ							100								**1**	**100**
50	Hà Công Anh Bảo	14/12/1984	066084000194	Kinh doanh quốc tế		Tiến sĩ			100												**1**	**100**
51	Hoàng Minh Tuấn	07/06/1981	001081033094	Cơ kỹ thuật		Tiến sĩ	100														**1**	**100**
52	Ngô Thị Minh Thu	22/09/1984	001184002013	Sư phạm Tiếng Nga		Tiến sĩ									100						**1**	**100**
53	Nguyễn Thị Hồng Vân	16/05/1985	001185015160	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ								100							**1**	**100**
54	Vũ Thị Vân Anh	20/09/1994	037194001373	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ											100				**1**	**100**
55	Nguyễn Hoàng Dũng	02/06/1977	001077021951	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ	100														**1**	**100**
56	Nguyễn Hoàng Vũ	01/11/1988	001088039978	Toán ứng dụng		Thạc sĩ											100				**1**	**100**
57	Phan Xuân Thành	04/07/1981	013646598	Toán ứng dụng		Tiến sĩ					100										**1**	**100**
58	Nguyễn Hải Vinh	06/09/1970	0011070022488	Tự động hóa và tin học		Tiến sĩ	100														**1**	**100**
59	Nguyễn Văn Hạnh	20/03/1983	012083000044	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học		Tiến sĩ					100										**1**	**100**
60	Nguyễn Đình Trần Long	22/06/1988	046088001182	Hệ thống thông tin		Thạc sĩ							100								**1**	**100**

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2.2.2 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành						Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Quản trị tài chính	Kỹ thuật y sinh	Tài chính - Ngân hàng	Kỹ thuật máy tính	Kinh doanh quốc tế	Công nghệ thông tin		
							8340202	8520212	8340201	8480106	8340120	8480201		
1	Lê Văn Sơn	25/09/1977	182109818	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ					100		**1**	**100**
2	Trần Anh Vũ	04/09/1977	001077007391	Kỹ thuật điện		Tiến sĩ		100					**1**	**100**
3	Nguyễn Anh Thư	04/02/1981	12190138	Giáo dục		Tiến sĩ					100		**1**	**100**
4	Lý Đại Hùng	01/01/1989	091579701	Kinh tế quốc tế		Tiến sĩ	33	33			33		**3**	**99**
5	Trần Xuân Tú	19/09/1977	040077000103	Kỹ thuật điện tử	Giáo sư	Tiến sĩ				100			**1**	**100**
6	Lâm Sinh Công	01/01/1988	162948577	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ				100			**1**	**100**

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2.2.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành		Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Kinh tế và Quản lí	Tin học và Kĩ thuật máy tính		
							9310116	9480111		
1	Trần Xuân Tú	19/09/1977	040077000103	Kỹ thuật điện tử	Giáo sư	Tiến sĩ		100	**1**	**100**
2	Lâm Sinh Công	01/01/1988	162948577	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ		100	**1**	**100**

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

3. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ Hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành đại học	Thời gian quản lý, hỗ trợ chuyên trách về ĐTTX	Địa chỉ quản lý, hỗ trợ ĐTTX tại cơ sở đào tạo/ các trạm ĐTTX

Ngày xuất: 13/06/2025 15:37

5.Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

5.1 Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận

5.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

STT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
1	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	AP1101VNUAUG2023	30/09/2023	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
2	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	31-QĐ/KĐCLV	06/05/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	AP1100VNUAUG2023	30/09/2023	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
4	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	32-QĐ/KĐCLV	06/05/2024	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh
5	Quản trị tài chính	8340202	59/QĐ-TTKĐ	28/04/2025	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
6	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	58/QĐ-TTKĐ	28/04/2025	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

6. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

6.1 Quyết định thành lập

Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định
3988	23/10/2023	Đại học Quốc gia Hà Nội

6.2 Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1	Trần Anh Hào	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trường Quốc tế (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)	Phó Hiệu trưởng
2	Phan Thị Ngọc Hoa	Thạc sĩ	Nữ	Thư ký	Trường Quốc tế (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)	Chủ tịch Công đoàn
3	Lê Trung Thành	Phó giáo sư,Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trường Quốc tế (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)	Hiệu trưởng
4	Trần Quang Tuyến	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trường Quốc tế (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)	Giảng viên cơ hữu
5	Phạm Xuân Hoan	Phó giáo sư,Tiến sĩ	Nam	Chủ tịch	Đại học Quốc gia Hà Nội	Giảng viên cơ hữu

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
1	Quy chế tổ chức và hoạt động		68	10/01/2022	ĐHQGHN
2	Quy chế dân chủ		1783	20/12/2024	Trường Quốc tế
3	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng		628	10/02/2015	ĐHQGHN
4	Chiến lược phát triển		654	27/08/2019	Trường Quốc tế, ĐHQGHN
5	Quy chế tài chính	Về việc phê duyệt quyền tự chủ, tụ chịu trách nhiệm về tài chính cho Khoa Quốc tế trực thuộc ĐHQGHN	4485	16/11/2015	Đại học Quốc gia Hà Nội
6	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự		3768	22/10/2014	ĐHQGHN
7	Danh mục vị trí việc làm		5760	11/12/2024	ĐHQGHN

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**	**0**	**0**	**0**	**0**
1.1	Tự động hóa và tin học	7510306	0	0	0	0
2	**Nhân văn**	**722**	**0**	**0**	**0**	**0**
2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	0	0	0	0
3	**Kinh doanh và quản lý**	**734**	**620**	**908**	**540**	**0**
3.1	Quản lý	7340108	0	0	0	0
3.2	Marketing	7340115	0	0	0	0
3.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	260	365	281	89.5
3.4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	80	122	24	90.5
3.5	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	180	276	162	88.4
3.6	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	100	145	73	94.8
4	**Kỹ thuật**	**752**	**0**	**0**	**0**	**0**
4.1	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	7520139	0	0	0	0
5	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**	**80**	**97**	**16**	**0**
5.1	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	80	97	16	92.9
5.2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	0	0	0	0
5.3	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	0	0	0	0
	Tổng		**700**	**1005**	**556**	**90**

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trường Quốc tế (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025

1.Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2024 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**322**
1	**Tiến sĩ**			**66**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			**66**
1.1.1	**Khoa học xã hội và hành vi**	**931**		**47**
1.1.1.1	Kinh tế và Quản lí	9310116	Khoa học xã hội và hành vi	47
1.1.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**948**		**19**
1.1.2.1	Tin học và Kĩ thuật máy tính	9480111	Máy tính và công nghệ thông tin	19
1.2	**Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			
2	**Thạc sĩ**			**256**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**190**
2.1.1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**		**137**
2.1.1.1	Kinh doanh quốc tế	8340120	Kinh doanh và quản lý	68
2.1.1.2	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý	0
2.1.1.3	Quản trị tài chính	8340202	Kinh doanh và quản lý	69
2.1.2	**Kỹ thuật**	**852**		**19**
2.1.2.1	Kỹ thuật y sinh	8520212	Kỹ thuật	19
2.1.3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**		**34**
2.1.3.1	Kỹ thuật máy tính	8480106	Máy tính và công nghệ thông tin	34
2.1.3.2	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin	0
2.2	**Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**66**
2.2.1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**		**31**
2.2.1.1	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý	31
2.2.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**		**35**
2.2.2.1	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin	35
B	**ĐẠI HỌC**			**5745**
3	**Đại học chính quy**			**5745**
3.1	**Chính quy**			**5745**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			**1592**
3.1.1.1	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**531**

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
3.1.1.1.1	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Kinh doanh và quản lý	531
3.1.1.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**1061**
3.1.1.2.1	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	Máy tính và công nghệ thông tin	415
3.1.1.2.2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	Máy tính và công nghệ thông tin	338
3.1.1.2.3	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	Máy tính và công nghệ thông tin	308
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**4153**
3.1.2.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**334**
3.1.2.1.1	Tự động hóa và tin học	7510306	Công nghệ kỹ thuật	334
3.1.2.2	**Nhân văn**	**722**		**373**
3.1.2.2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	373
3.1.2.3	**Báo chí và thông tin**	**732**		**112**
3.1.2.3.1	Truyền thông số	7320111	Báo chí và thông tin	112
3.1.2.4	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**3127**
3.1.2.4.1	Quản lý	7340108	Kinh doanh và quản lý	104
3.1.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	349
3.1.2.4.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	1144
3.1.2.4.4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	Kinh doanh và quản lý	548
3.1.2.4.5	Kinh doanh số	73401a1	Kinh doanh và quản lý	116
3.1.2.4.6	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	Kinh doanh và quản lý	866
3.1.2.5	**Kỹ thuật**	**752**		**207**
3.1.2.5.1	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	7520139	Kỹ thuật	207
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			
3.4	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			
3.5	**Liên kết đào tạo với nước ngoài**			
4	**Đại học vừa làm vừa học**			**0**
4.1	**Vừa làm vừa học**			
4.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**			
4.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**			
4.4	**Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**			
5	**Từ xa**			
C	**CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**			
6	**Cao đẳng chính quy**			
6.1	**Chính quy**			
6.2	**Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy**			

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
6.3	**Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng**			
7	**Cao đẳng vừa làm vừa học**			
7.1	**Vừa làm vừa học**			
7.2	**Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học**			
7.3	**Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng**			

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2025 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**0**	**147**
1	**Tiến sĩ**			**0**	**21**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			**0**	**21**
1.1.1	**Khoa học xã hội và hành vi**	**931**		**0**	**15**
1.1.1.1	Kinh tế và Quản lí	9310116	Khoa học xã hội và hành vi	3	15
1.1.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**948**		**0**	**6**
1.1.2.1	Tin học và Kĩ thuật máy tính	9480111	Máy tính và công nghệ thông tin	3	6
1.2	**Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**	
2	**Thạc sĩ**			**0**	**126**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**0**	**94**
2.1.1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**		**0**	**68**
2.1.1.1	Kinh doanh quốc tế	8340120	Kinh doanh và quản lý	2	34
2.1.1.2	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý	2	0
2.1.1.3	Quản trị tài chính	8340202	Kinh doanh và quản lý	2	34
2.1.2	**Kỹ thuật**	**852**		**0**	**9**
2.1.2.1	Kỹ thuật y sinh	8520212	Kỹ thuật	2	9
2.1.3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**		**0**	**17**
2.1.3.1	Kỹ thuật máy tính	8480106	Máy tính và công nghệ thông tin	2	17
2.1.3.2	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin	2	0
2.2	**Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**	**32**
2.2.1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**		**0**	**15**
2.2.1.1	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý	2	15
2.2.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**		**0**	**17**
2.2.2.1	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin	2	17
B	**ĐẠI HỌC**			**0**	**1423**
3	**Đại học chính quy**			**0**	**1423**
3.1	**Chính quy**			**0**	**1423**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			**0**	**396**
3.1.1.1	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**0**	**132**
3.1.1.1.1	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Kinh doanh và quản lý	4	132
3.1.1.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**0**	**264**
3.1.1.2.1	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	Máy tính và công nghệ thông tin	4	103
3.1.1.2.2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	Máy tính và công nghệ thông tin	4	84
3.1.1.2.3	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	Máy tính và công nghệ thông tin	4	77
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**0**	**1027**
3.1.2.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**0**	**74**
3.1.2.1.1	Tự động hóa và tin học	7510306	Công nghệ kỹ thuật	4.5	74
3.1.2.2	**Nhân văn**	**722**		**0**	**93**
3.1.2.2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	4	93
3.1.2.3	**Báo chí và thông tin**	**732**		**0**	**28**
3.1.2.3.1	Truyền thông số	7320111	Báo chí và thông tin	4	28
3.1.2.4	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**0**	**781**
3.1.2.4.1	Quản lý	7340108	Kinh doanh và quản lý	4	26
3.1.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	4	87
3.1.2.4.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	4	286
3.1.2.4.4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	Kinh doanh và quản lý	4	137
3.1.2.4.5	Kinh doanh số	73401a1	Kinh doanh và quản lý	4	29
3.1.2.4.6	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	Kinh doanh và quản lý	4	216
3.1.2.5	**Kỹ thuật**	**752**		**0**	**51**
3.1.2.5.1	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	7520139	Kỹ thuật	4	51

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0	0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0	0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0	0
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0	
4	Đại học vừa làm vừa học			0	0
4.1	Vừa làm vừa học			0	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0	0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0	0
5	Từ xa			0	0
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			0	0
6	Cao đẳng chính quy			0	0
6.1	Chính quy			0	
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy			0	
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			0	
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			0	0
7.1	Vừa làm vừa học			0	
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học			0	
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			0	

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng,đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	**Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ**								
1	**Khoa học xã hội và hành vi**	**931**	**2**	**5**	**26**			**33**	**115.5**
1.1	Kinh tế và Quản lí	9310116	2	5	26			33	115.5
2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**948**	**1**	**4**	**9**			**14**	**54**
2.1	Tin học và Kĩ thuật máy tính	9480111	1	4	9			14	54
	Tổng cộng giảng dạy tiến sĩ		**3**	**9**	**35**			**47**	**169.5**
II	**Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ**								
1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**	**2**	**12**	**32**			**46**	**154.9**
1.1	Kinh doanh quốc tế	8340120	1	7	17			25	78.25
1.2	Tài chính - Ngân hàng	8340201	0	0	0			0	0
1.3	Quản trị tài chính	8340202	1	5	15			21	76.65
2	**Kỹ thuật**	**852**	**1**	**2**	**8**			**11**	**28.3**
2.1	Kỹ thuật y sinh	8520212	1	2	8			11	28.3
3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**	**1**	**6**	**26**			**33**	**96.3**
3.1	Công nghệ thông tin	8480201	0	2	8			10	23
3.2	Kỹ thuật máy tính	8480106	1	4	18			23	73.3
	Tổng cộng giảng dạy thạc sĩ		**4**	**20**	**66**			**90**	**279.5**
III	**Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ ĐH,CĐSP**								
1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**	**1**	**1**	**4**	**4**	**0**	**10**	**17.4**
1.1	Tự động hóa và tin học	7510306	1	1	4	4	0	10	17.4
2	**Nhân văn**	**722**	**0**	**1**	**4**	**14**	**0**	**19**	**19**
2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	0	1	4	14	0	19	19

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
3	**Báo chí và thông tin**	**732**	**0**	**0**	**4**	**1**	**0**	**5**	**7.4**
3.1	Truyền thông số	7320111	0	0	4	1	0	5	7.4
4	**Kinh doanh và quản lý**	**734**	**3**	**11**	**43**	**27**	**0**	**84**	**130.9**
4.1	Kinh doanh số	73401a1	0	0	3	2	0	5	7
4.2	Marketing	7340115	0	1	5	5	0	11	12.9
4.3	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	0	3	5	4	0	12	18.9
4.4	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	1	1	4	3	0	9	16.6
4.5	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	1	3	8	6	0	18	30.2
4.6	Kinh doanh quốc tế	7340120	1	2	15	6	0	24	39.7
4.7	Quản lý	7340108	0	1	3	1	0	5	5.6
5	**Kỹ thuật**	**752**	**0**	**1**	**6**	**1**	**0**	**8**	**15.5**
5.1	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	7520139	0	1	6	1	0	8	15.5
6	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**	**1**	**4**	**15**	**7**	**0**	**27**	**43.7**
6.1	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	0	2	4	2	0	8	12.7
6.2	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	1	0	8	0	0	9	17.6
6.3	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	0	2	3	5	0	10	13.4
	Tổng số giảng viên giảng dạy ĐH, CĐSP		**5**	**18**	**76**	**54**	**0**	**153**	**233.9**
IV	**Giảng viên toàn thời gian tham gia ĐTTX trình độ ĐH**								

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

3.2 Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng,đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	**Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ**								
1	**Khoa học xã hội và hành vi**	**931**	**0**	**0**	**0**			**0**	**0**
1.1	Kinh tế và Quản lí	9310116	0	0	0			0	0
2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**948**	**1**	**0**	**1**			**2**	**3**
2.1	Tin học và Kĩ thuật máy tính	9480111	1	0	1			2	3
	Tổng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy tiến sĩ		**1**	**0**	**1**			**2**	**3**
II	**Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ**								
1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**	**0**	**0**	**4**			**4**	**3.99**
1.1	Kinh doanh quốc tế	8340120	0	0	3			3	3.49
1.2	Tài chính - Ngân hàng	8340201	0	0	0			0	0
1.3	Quản trị tài chính	8340202	0	0	1			1	0.49
2	**Kỹ thuật**	**852**	**0**	**0**	**2**			**2**	**1.99**
2.1	Kỹ thuật y sinh	8520212	0	0	2			2	1.99
3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**	**1**	**0**	**1**			**2**	**3**
3.1	Kỹ thuật máy tính	8480106	1	0	1			2	3
3.2	Công nghệ thông tin	8480201	0	0	0			0	0
	Tổng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy thạc sĩ		**1**	**0**	**7**			**8**	**8.98**
III	**Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ ĐH,CĐSP**								
1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**	**1**	**0**	**4**	**0**	**0**	**5**	**2.6**
1.1	Tự động hóa và tin học	7510306	1	0	4	0	0	5	2.6
2	**Nhân văn**	**722**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0.4**
2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	0	0	1	0	0	1	0.4
3	**Báo chí và thông tin**	**732**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3.1	Truyền thông số	7320111	0	0	0	0	0	0	0
4	**Kinh doanh và quản lý**	**734**	**1**	**1**	**28**	**6**	**0**	**36**	**16.4**
4.1	Marketing	7340115	0	0	3	2	0	5	1.6
4.2	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	1	0	3	0	0	4	2.2
4.3	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	0	0	2	4	0	6	4

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
4.4	Kinh doanh số	73401a1	0	0	0	0	0	0	0
4.5	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	0	1	8	0	0	9	3.8
4.6	Kinh doanh quốc tế	7340120	0	0	7	0	0	7	2.8
4.7	Quản lý	7340108	0	0	5	0	0	5	2
5	**Kỹ thuật**	**752**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
5.1	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	7520139	0	0	0	0	0	0	0
6	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**	**0**	**1**	**13**	**4**	**0**	**18**	**16.5**
6.1	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	0	1	2	0	0	3	3.5
6.2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	0	0	7	1	0	8	7.5
6.3	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	0	0	4	3	0	7	5.5
	Tổng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ ĐH, CĐSP		**2**	**2**	**46**	**10**	**0**	**60**	**35.9**
IV	**Giảng viên tham gia ĐTTX trình độ ĐH**								

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

4. Cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ	Tổng thời gian quản lý, hỗ trợ (theo tháng)	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ quy đổi

Ngày xuất: 08/05/2025 09:28

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2024

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	128	7199
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	600
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	5	836
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	43	2586
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	40	1314
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	38	1773
2	Thư viện, trung tâm học liệu	4	7660
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	27379
	TỔNG	**140**	**42238**

Ngày xuất: 13/06/2025 08:56

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trường Quốc tế (ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	**TỔNG CHỈ TIÊU CHÍNH QUY SO SÁNH CƠ SỞ VẬT CHẤT (3 + 6)**			**10763**	**0**	**1300**
A	**SAU ĐẠI HỌC**			**438**	**0**	**130**
1	**Tiến sĩ**			**128**	**0**	**30**
1.1	**Tiến sĩ chính quy**			**128**	**0**	**30**
1.1.1	**Khoa học xã hội và hành vi**	**931**		**84**	**0**	**20**
1.1.1.1	Kinh tế và Quản lí	9310116	Khoa học xã hội và hành vi	84		20
1.1.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**948**		**44**	**0**	**10**
1.1.2.1	Tin học và Kĩ thuật máy tính	9480111	Máy tính và công nghệ thông tin	44		10
1.2	**Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**				**0**	**0**
2	**Thạc sĩ**			**310**	**0**	**100**
2.1	**Thạc sĩ chính quy**			**287**	**0**	**100**
2.1.1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**		**158**	**0**	**45**
2.1.1.1	Kinh doanh quốc tế	8340120	Kinh doanh và quản lý	81		25
2.1.1.2	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý	0		0
2.1.1.3	Quản trị tài chính	8340202	Kinh doanh và quản lý	77		20
2.1.2	**Kỹ thuật**	**852**		**30**	**0**	**18**
2.1.2.1	Kỹ thuật y sinh	8520212	Kỹ thuật	30		18
2.1.3	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**		**99**	**0**	**37**
2.1.3.1	Kỹ thuật máy tính	8480106	Máy tính và công nghệ thông tin	76		18
2.1.3.2	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin	23		19
2.2	**Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài**			**23**	**0**	**0**
2.2.1	**Kinh doanh và quản lý**	**834**		**0**	**0**	**0**
2.2.1.1	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý	0		0
2.2.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**848**		**23**	**0**	**0**
2.2.2.1	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin	23		0
B	**ĐẠI HỌC**			**2481**	**0**	**1300**
3	**Đại học chính quy**			**1908**	**0**	**1300**
3.1	**Chính quy**			**1908**	**0**	**1300**
3.1.1	**Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học**			**493**	**0**	**370**
3.1.1.1	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**148**	**0**	**100**
3.1.1.1.1	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Kinh doanh và quản lý	148	0	100
3.1.1.2	**Máy tính và công nghệ thông tin**	**748**		**345**	**0**	**270**
3.1.1.2.1	Tin học và kỹ thuật máy tính	7480111	Máy tính và công nghệ thông tin	115	0	80

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
3.1.1.2.2	Công nghệ tài chính và kinh doanh số	7480209	Máy tính và công nghệ thông tin	104	0	90
3.1.1.2.3	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	Máy tính và công nghệ thông tin	126	0	100
3.1.2	**Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)**			**1415**	**0**	**930**
3.1.2.1	**Công nghệ kỹ thuật**	**751**		**123**	**0**	**100**
3.1.2.1.1	Tự động hóa và tin học	7510306	Công nghệ kỹ thuật	123	0	100
3.1.2.2	**Nhân văn**	**722**		**192**	**0**	**100**
3.1.2.2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	192	0	100
3.1.2.3	**Báo chí và thông tin**	**732**		**101**	**0**	**50**
3.1.2.3.1	Truyền thông số	7320111	Báo chí và thông tin	101	0	50
3.1.2.4	**Kinh doanh và quản lý**	**734**		**905**	**0**	**610**
3.1.2.4.1	Quản lý	7340108	Kinh doanh và quản lý	139	0	50
3.1.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	101	0	90
3.1.2.4.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	280	0	170
3.1.2.4.4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	Kinh doanh và quản lý	139	0	100
3.1.2.4.5	Kinh doanh số	73401a1	Kinh doanh và quản lý	88	0	50
3.1.2.4.6	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	Kinh doanh và quản lý	158	0	150
3.1.2.5	**Kỹ thuật**	**752**		**94**	**0**	**70**
3.1.2.5.1	Kĩ thuật hệ thống công nghiệp và logistics	7520139	Kỹ thuật	94	0	70
*	**TỔNG CHỈ TIÊU ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (3.1 VỚI 3.2 + 3.3)**			**382**		**0**
3.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**					**0**
3.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**					**0**
3.4	**Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**					**0**
3.5	**Liên kết đào tạo với nước ngoài**			**0**	**0**	**0**
4	**Đại học vừa làm vừa học**			**573**		**0**
*	**TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật**			**37**		**0**
*	**TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Nhân văn**			**58**		**0**
*	**TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Báo chí và thông tin**			**30**		**0**
*	**TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý**			**316**		**0**
*	**TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Kỹ thuật**			**28**		**0**
*	**TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) - Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin**			**104**		**0**
4.1	**Vừa làm vừa học**					**0**
4.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học**					**0**
4.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học**					**0**
4.4	**Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**					**0**

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	TỔNG CHỈ TIÊU TỪ XA SO SÁNH VỚI CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH VỀ ĐÀO TẠO TỪ XA			0	0	0
5	Từ xa			0	0	0
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON					
6	Cao đẳng chính quy					
6.1	Chính quy					
*	TỔNG CHỈ TIÊU CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (6.1 VỚI 6.2)					
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy					
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng					
7	Cao đẳng vừa làm vừa học					
7.1	Vừa làm vừa học					
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học					
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng					

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

Trần Anh Hào